TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Văn Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Hưng
Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị Thùy L, sinh năm 1994, (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu 5 thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991, (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019, những lời khai tiếp theo quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Thị Thùy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q ngày 16/5/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Q ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đến tháng 9/2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho

đến nay. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con Nguyễn Đức D, sinh ngày 15/4/2015 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết anh trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị L trình bày là đúng. Ly hôn anh để chị L nuôi con anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã T: Chị Tô Thị Thùy L kết hôn với anh Nguyễn Văn Q ngày 16/5/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn chị L về làm ăn chung sống với cùng gia đình anh Q ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo dư luận địa phương do anh chị không hợp nhau bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau. Đến cuối năm 2016 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn với anh Q địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng có một con Nguyễn Đức D, sinh ngày 15/4/2015 hiện đang ở cùng chị L. Ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân:Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị Thùy L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị Tô Thị Thùy L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 15/4/2015 hiện đang ở cùng chị. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến đầu tháng 9/2016 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh Q đồng ý là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có một con Nguyễn Đức D, sinh ngày 15/4/2015 hiện đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L, anh Q đồng ý để chị L nuôi con và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện. Vì vậy căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chị L tiếp tục nuôi con và chấp nhận sự tự nguyện của của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị L, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2.Về con chung: Chị Tô Thị Thùy L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 15/4/2015 hiện đang ở cùng chị. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Hội đồng xét xử nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Thùy L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0001446 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Tân lập;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ